ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 154 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 17 tháng 7 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính 3 năm 2024 - 2026 lĩnh vực giáo dục đào tạo

Thực hiện Công văn số 3098/BGDĐT-KHTC ngày 26/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch ngân sách 3 năm 2024 - 2026 lĩnh vực giáo dục đào tạo, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch như sau:

A. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (KTXH) NĂM 2024 THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Đánh giá chung tình hình phát triển KTXH của tỉnh

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Tỉnh Lạng Sơn bước vào triển khai nhiệm vụ năm 2022 trong điều kiện có một số thuận lợi cơ bản, tiếp nối kết quả thực hiện thành công "mục tiêu kép" năm 2020, 2021.

Bước vào năm 2022, với quyết tâm chính trị cao, UBND tỉnh Lạng Sơn đã quyết liệt, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, kịp thời, phấn đấu thực hiện đạt và vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh, với phương châm, chủ đề điều hành "Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo bứt phá". Ban hành đầy đủ các chương trình, kế hoạch, phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành để tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện nhiệm vụ. Triển khai hiệu quả chiến lược "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, đồng thời phục hồi nhanh sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu qua địa bàn, ổn định đời sống Nhân dân.

Kinh tế tỉnh Lạng Sơn phục hồi đà tăng trưởng, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 7,22% (mục tiêu từ 7 - 7,5%), trong đó: nông lâm nghiệp tăng 5,01%, công nghiệp - xây dựng tăng 11,03%, dịch vụ tăng 6,6%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,53%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng: nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,1%, công nghiệp - xây dựng

24,4%, dịch vụ 49,98%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,52%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 51,72 triệu đồng, tương đương 2.155,1 USD.

Hoạt động xuất nhập khẩu trong năm 2022 và những tháng đầu năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do phía Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách "Zero COVID", liên tục thắt chặt các biện pháp phòng, chống dịch, nhất là khu vực biên giới và các cửa khẩu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn năm 2022 giảm mạnh so với cùng kỳ, ước đạt 3.100 triệu USD, đạt 56,36% kế hoạch, giảm 27,4%, trong đó xuất khẩu 940 triệu USD, đạt 43,93% kế hoạch, giảm 31,39%; nhập khẩu 2.160 triệu USD, đạt 64,29% kế hoạch, giảm 25,52%. Xuất khẩu hàng hóa địa phương ước đạt 142 triệu USD, tăng 9,23% so với cùng kỳ.

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 ước tăng 7,09%. Sản lượng 9/13 sản phẩm công nghiệp chủ yếu hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch1.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước được tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ. Ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh. Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chính sách ưu đãi theo quy định để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp từng bước khôi phục sản xuất kinh doanh, kích cầu và tạo đà cho tăng trưởng kinh tế. Với các nỗ lực, cố gắng trong công tác thu ngân sách, tổng thu ngân sách nhà nước hoàn thành dự toán giao đầu năm, đạt 7.909,87 tỷ đồng, đạt 100,76% dự toán, giảm 27,72% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa 2.908 tỷ đồng, đạt 123,74% dự toán, giảm 9,76%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 5.000 tỷ đồng, đạt 90,91% dự toán, giảm 35,19%, các khoản huy động, đóng góp 1,87 tỷ đồng.

Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách, điều hành ngân sách, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương bảo đảm đúng quy định, định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Tổng chi ngân sách địa phương là 13.822 tỷ đồng, đạt 115,06% dự toán, tăng 9,22% so với cùng kỳ, trong đó chi cân đối ngân sách địa phương 9.983,54 tỷ đồng, đạt 103,31% dự toán, tăng 2,94%32; chi các chương trình mục tiêu quốc gia và bổ sung có mục tiêu 1.979,19 tỷ đồng, đạt 84,25% dự toán, tăng 78,59%.

GDĐT có chuyển biến tích cực. Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021 - 2022, tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Tổ chức an toàn, nghiêm túc Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2022, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,95%, tăng 0,15% so với năm 2021. Hoàn thành tổ chức lựa chọn sách giáo khoa năm học 2022 - 2023. Đã công nhận mới 17 trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường chuẩn quốc gia lên 269 trường, vượt chỉ tiêu 02 trường. Ban hành chi tiết Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực GDĐT thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo Nghị định số

---

[1]Cụ thể: Điện sản xuất 862 triệu Kwh, đạt 101,41% kế hoạch, tăng 6,82% so với cùng kỳ; điện thương phẩm 825 triệu Kwh, đạt 97,06%, tăng 1,23%; than sạch 550 nghìn tấn, đạt 100%, tăng 8,7%; xi măng 960 nghìn tấn, đạt 100%, tăng 2,5%; gạch các loại 254 triệu viên, đạt 101,6%, tăng 4,1%; đá các loại 4.350 nghìn m3, đạt 100%, tăng 6,4%; nhựa thông và các sản phẩm chế biến từ nhựa thông 22 nghìn tấn, đạt 113,2%, tăng 2%; hợp kim và chất kim loại 670 nghìn tấn, đạt 115,5%, tăng 0,6%; Clinker 280 nghìn tấn, đạt 63,6%, giảm 38,8%; nước máy

32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Hoàn thành tổ chức lại Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở (PTDTNT THCS) các huyện Hữu Lũng, Đình Lập, Văn Lãng, Bắc Sơn thành Trường PTDTNT THCS & THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) 1 tỉnh thành Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh. Tiếp tục triển khai Chương trình sữa học đường cho học sinh mầm non, tiểu học công lập năm học 2021 - 2022; thực hiện hỗ trợ, phân bổ kinh phí và máy tính thuộc chương trình "Sóng và máy tính cho em". Tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chính sách bảo đảm an sinh xã hội. Tạo việc làm mới cho khoảng 17.000 lao động, đạt 113,3% kế hoạch; tuyển sinh và đào tạo cho 19.436 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%.

Thuận lợi: Cấp ủy, chính quyền các cấp, các sở, ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân luôn quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục; sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Bộ GDĐT và các bộ ngành trung ương. Trình độ dân trí từng bước nâng lên, nhu cầu cho con em đi học và tạo điều kiện cho con em đi học ngày càng nâng cao. Đội ngũ cán bộ giáo viên (CBGV) cơ bản đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng, có lương tâm trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp tốt.

Khó khăn: Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn; địa hình và phân bố dân cư không tập trung, khó khăn trong việc huy động nguồn lực và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (CSVC) mạng lưới giáo dục. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao dẫn đến khó khăn trong huy động học sinh (HS) đi học và huy động xã hội hóa. Công tác tăng cường CSVC còn gặp khó khăn, số phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, phòng thư viện còn thiếu, chưa được đầu tư xây dựng kịp thời. Ngân sách đầu tư cho GDĐT còn hạn hẹp, chủ yếu để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương, kinh phí đầu tư cho hoạt động dạy và học, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Cơ sở hạ tầng giáo dục được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu; việc thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp còn hạn chế, vẫn xảy ra tình trạng thiếu giáo viên. Công tác duy trì các tiêu chí đã được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia ở một số nơi gặp khó khăn, nhất là tiêu chí về cơ sở vật chất. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg và Quyết định số 612/QĐ-UBDT[2] có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân và thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (các chỉ tiêu về y tế, giảm nghèo) năm 2022.

2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển GDĐT năm 2022, ước thực hiện kế hoạch năm 2023

2.1. Đánh giá tóm tắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

- Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu trong năm học 2022 - 2023

[2] Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022 - 2023	Thực hiện 2022 - 2023	Kết quả
1	Tổng số HS				
-	Nhà trẻ	Trẻ	10.373	12.009	đạt
-	Mẫu giáo	HS	42.414	42.820	đạt
-	Tiểu học	HS	75.614	75.576	Chưa đạt
-	THCS	HS	50.585	50.588	đạt
-	THPT	HS	22.483	22.285	Chưa đạt
2	Tỷ lệ huy động				
-	Trẻ dưới 3 tuổi	%	39,32	45,5	đạt
-	Mẫu giáo từ 3 - 5 tuổi	%	98,12	99,91	đạt
-	Tiểu học (đúng độ tuổi)	%	99,75	99,85	đạt
-	THCS (đúng độ tuổi)	%	93,50	94,60	đạt
3	Phổ cập giáo dục				
-	Phổ cập mẫu giáo 5 tuổi	xã	200	200	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi	%	100	100	đạt
-	Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	xã	200	200	đạt
+	Tỷ lệ xã, phường thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS	%	100	100	đạt
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	56,5	56,5	đạt
5	Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia (theo năm kế hoạch)	Trường	275	275	đạt

Các chỉ tiêu chưa đạt: duy trì sĩ số học sinh cấp Tiểu học, THPT giảm. Nguyên nhân một số chỉ tiêu chưa đạt: đối với giáo dục phổ thông do HS bỏ học, một số HS THPT theo học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề; ngoài ra, việc dự báo số HS tuyển mới vào đầu cấp, số chuyển đi, chuyển đến chưa sát thực tế.

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2022 - 2023 *(theo Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023)*

2.2.1. Đối với các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023

a) Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về GDĐT: Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị lĩnh vực GDĐT.[3]

b) Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo ngành GDĐT hướng dẫn các đơn vị chủ động xây dựng kịch bản ứng phó diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 ngay từ đầu năm học[4]; rà soát danh sách HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn để xây dựng phương án hỗ trợ máy tính, thiết bị phục vụ việc học tập trực tuyến, đồng thời huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội.[5] Tiếp tục cập nhật và sử dụng các ứng dụng CNTT trong phòng, chống dịch, thực hiện khai báo điện tử, nâng cao ý thức, trách nhiệm cá nhân trong phòng, chống dịch bệnh.

c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, THCS, Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, THCS[6]. Tham mưu UBND tỉnh phê

---

[3] Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định mức thu học phí đối với CSGD mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng GV và CBQL CSGD để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực GDĐT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 17/2022/NQ-HĐND ngày 30/09/2022 quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 06/7/2022 về phát triển giáo dục và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính 3 năm 2023-2025; Công văn số 562/UBND-KGVX ngày 25/11/2022 về việc thực trạng GV và CBQL giáo dục nghỉ việc; Báo cáo số 303/BC-UBND ngày 08/7/2022 về sơ kết 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Báo cáo số 602/BC-UBND ngày 05/12/2022 về tình hình, kết quả đào tạo nâng trình độ chuẩn của GV mầm non, tiểu học, THCS năm 2022; Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc ban hành chi tiết Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực GDĐT thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 31/8/2022 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023 và các văn bản chỉ đạo về lĩnh vực GDĐT.

[4] Toàn ngành giáo dục chủ động điều chỉnh phương án, kịch bản sẵn sàng cho việc chuyển trạng thái, thay đổi hình thức tổ chức dạy học ứng phó linh hoạt với tình hình diễn biến dịch COVID-19.

[5] Ngành giáo triển khai vận động quyên góp ủng hộ Chương trình "Sóng và máy tính cho em". Thực hiện hỗ trợ, phân bổ được 1500 máy tính bảng (trong đó Viettel Lạng Sơn ủng hộ 500 máy tính bảng và sim ưu đãi, Bảo hiểm Bảo Minh ủng hộ 01 tỷ đồng, VNPT Lạng Sơn ủng hộ 1000 sim ưu đãi)

[6] Năm 2021 UBND tỉnh phê duyệt trên 300 chỉ tiêu các ngành: Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Toán, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tin học. Năm 2022, UBND tỉnh phê duyệt 272 chỉ tiêu các ngành: Giáo dục

duyệt đào tạo văn bằng 2, liên kết đào tạo các ngành đào tạo GV[7]. Đồng thời thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và CBQL CSGD theo chuẩn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của GDĐT trong giai đoạn hiện nay[8] .

Công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ: triển khai thực hiện các bước đánh giá, xếp loại công chức, viên chức (CC, VC) theo đúng quy trình. Kết quả đánh giá, xếp loại CBQL, GV các cấp học đã cơ bản phản ánh đúng chất lượng, năng lực và trình độ của đội ngũ. Sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả thanh tra, kiểm tra; kết quả bồi dưỡng thường xuyên để đánh giá xếp loại VC theo Chuẩn nghề nghiệp và đánh giá, xếp loại CC, VC theo quy định[9]. Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại từng mặt công tác và kết quả đánh giá chung để xét các danh hiệu thi đua đối với tập thể và các cá nhân và thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển CBQL và GV[10].

d) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Năm 2022, ngành giáo dục vận động các tổ chức, đoàn thể, Nhân dân đóng góp, giúp đỡ đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học với số tiền gần 9 tỷ đồng, kết quả chi tiết huy động như sau:

Khối	**Xã hội hóa**			
	Tiền (triệu)	Hiến Đất (m^2)	Ngày công	Gạo (kg)
Phòng GDĐT	7.152.010	6.399	107.326	38.121
Trường THPT	1.576.767	0	184	1.275
Trường THCS-THPT	162.000	950	191	100
Trung tâm GDTX,GDNN-GDTX	30.595	0	15	105
Tổng cộng	**8.921.372**	**7.349**	**107.716**	**39.601**

đ) Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- *Giáo dục mầm non:* Tập trung triển khai, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non (GDMN) theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT[11] và các nội dung nâng cao năng lực giáo dục phát triển theo các lĩnh

---

Tiểu học, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật, Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục Thể chất và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

[7] Năm 2021, UBND tỉnh phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học văn bằng 2 đối với ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học (62 chỉ tiêu), Sư phạm Tin học (89 chỉ tiêu). Năm 2022, UBND tỉnh phê duyệt liên kết đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục công dân (83 chỉ tiêu) và liên kết đào tạo chuyên ngành Sư phạm Công nghệ (80 chỉ tiêu)

[8] Đào tạo cao cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính; bồi dưỡng ngạch chuyên viên; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; bồi dưỡng kiến thức QP-AN đối tượng 2,3....

[9] Nghị định số 90-NĐ/CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, CC, VC

[10] Kết quả, năm học 2021-2022: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 24,29%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 71,5%; hoàn thành nhiệm vụ: 3,2%; không hoàn thành nhiệm vụ: 1,01%.

[11] Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT

vực phù hợp với bối cảnh địa phương.[12] Tổng số có 54.986/55.109 trẻ thực hiện chương trình, tỷ lệ 99,8% (có 123 trẻ nhà thuộc nhóm trẻ độc lập tư thục không thực hiện chương trình GDMN). Trong đó 54.872/55.109 trẻ được đánh giá (có 114 trẻ khuyết tật không đánh giá); số trẻ Đạt 53.755/54.872, tỷ lệ 98%. Toàn tỉnh có 738/738 lớp mẫu giáo 5 tuổi thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi với 14.078/14.120/ (99,7%) trẻ 5 tuổi được đánh giá theo Bộ chuẩn (42 trẻ khuyết tật không đánh giá), trong đó: 14.078/14.078 trẻ được đánh giá đạt, tỷ lệ 100%.

- *Giáo dục tiểu học:* Sở GDĐT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học. Hướng dẫn triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy bám sát hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT[13], bám sát chủ đề cấp học "Dạy chủ động - học linh hoạt, tích cực - sống vui vẻ, biết vươn lên". Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng GV về chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.[14] Kết quả học tập và rèn luyện của HS tiểu học.[15]

- *Giáo dục trung học:* (1) Triển khai dạy học lớp 6: Kết quả học tập: mức Tốt là 2.167 HS (16,10%), mức Khá 5.658 (41,90%), mức Đạt 5.440 (40,30%); mức Chưa đạt 223 (1,70%). Kết quả rèn luyện: mức Tốt 13.370 (84,30%); mức Khá 1.984 (14,70%), mức Đạt 130 (0,98%); mức Chưa đạt là 04 (0,02%). (2) Triển khai dạy học lớp 7, lớp 10: Hoàn thành việc lựa chọn sách giáo khoa (SGK) lớp 7, lớp 10 năm học 2022 - 2023; phối hợp với các Nhà xuất bản có SGK được lựa chọn hoàn thành việc bồi dưỡng GV sử dụng SGK lớp 7, lớp 10 năm học 2022 - 2023 trong tháng 7/2022. (3) Biên soạn Tài liệu giáo dục địa phương (TLGDĐP): Triển khai biên soạn, hoàn thiện và được Bộ GDĐT phê duyệt TLGDĐP tỉnh Lạng Sơn lớp 7, lớp 8, lớp 9, lớp 10. Lạng Sơn là một trong những tỉnh gửi hồ sơ phê duyệt TLGDĐP lớp 7, lớp 8, lớp 9 và lớp 10 sớm nhất. (4) Kết quả giáo dục THCS, THPT[16].

---

[12] Chỉ đạo việc đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; chú trọng tổ chức hoạt động vui chơi và các hoạt động trải nghiệm, khám phá của trẻ; giáo dục hình thành và phát triển kỹ năng sống phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi của trẻ. Tiếp tục triển khai thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021 - 2025 gắn với chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" và thực hiện giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em mầm non, HS tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ theo Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh.

[13] Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT; công văn số 2013/SGDĐT-GDMN, TH ngày 02/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học

[14] Sở GDĐT đã cử CBQL cốt cán, GV cốt cán tham dự bồi dưỡng các mô đun theo chương trình ETEP (tổng số có 24 GV cốt cán, 38 CBQL cốt cán). Đối với bồi dưỡng đại trà, Sở GDĐT tổ chức theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Đối với hình thức trực tuyến, 100% GV các CSGD đều được cấp tài khoản LMS để bồi dưỡng qua mạng (tính đến tháng 6/2022 đã hoàn thành bồi dưỡng 09 mô đun đối với 100% CBQL, GV).

[15] Xếp loại năng lực, phẩm chất HS lớp 1, 2 (theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT): Các năng lực cốt lõi: Tốt: từ 61,1% đến 68,2%; Đạt: từ 31,2 % đến 34,8%; Chưa đạt: từ 0,6 % đến 1,0%; 5 phẩm chất chủ yếu: Tốt: từ 66,4% đến 84,6%; Đạt: từ 15,2% đến 33,0%; Chưa đạt: từ 0,2% đến 0,6%. Xếp loại năng lực, phẩm chất học sinh lớp 3, 4, 5 (theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT): Về năng lực: Tốt: từ 58,9% đến 70,5%; Đạt: từ 29,3% đến 40,7%; Cần cố gắng: từ 0,2 % đến 0,3%. Về phẩm chất: Tốt: từ 62,3% đến 88,0%; Đạt: từ 11,9% đến 37,4%; Cần cố gắng: từ 0,1% đến 0,3%.

[16] Cấp THCS: Hạnh kiểm: Tốt: 83,5%; Khá: 15,5%; TB: 1,0%; Yếu: 0,01%. Học lực: Giỏi: 17,2%; Khá: 45,9%; TB: 38,06%; Yếu, kém: 0,78%. Cấp THPT: Hạnh kiểm: Tốt: 83,6%; Khá: 13,5%; TB: 2,8%; Yếu: 0,1%. Học lực: Giỏi: 19,0%; Khá: 53,1%; TB: 26,6%; Yếu, kém: 1,2%.

- *Giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp:* (1) Về giáo dục thường xuyên (GDTX), so với năm học 2020 - 2021, chất lượng giáo dục 2 mặt của khối GDTX đã được cải thiện rõ rệt.[17] Tích cực triển khai Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Chương trình GDTX cấp THPT, hướng dẫn các trung tâm GDTX, TTGDNN-GDTX, trường cao đẳng có học viên GDTX rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhân sự tối thiểu đáp ứng thực hiện giảng dạy Chương trình GDTX theo Chương trình GDPT 2018; hướng dẫn học viên lựa chọn các môn học, chuyên đề học tập, SGK; xây dựng kế hoạch giáo dục theo quy định. (2) Về công tác dạy nghề, tăng cường kết hợp giữa dạy văn hóa với dạy nghề, số lượng lớp được duy trì.[18] (3) Về công tác giáo dục khởi nghiệp cho học sinh, chỉ đạo tăng cường công tác giáo dục khởi nghiệp, tổ chức Ngày Hội Khởi nghiệp cấp tỉnh năm 2022. (4) Về giáo dục chuyên nghiệp, thực hiện nghiêm túc công tác BDTX cho CBQL, giáo viên toàn ngành, hoàn thành kế hoạch BDTX thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo đúng tiến độ của Bộ GDĐT. Chỉ đạo triển khai thực hiện tuyển sinh cử tuyển theo quy định[19]. Thực hiện chi trả đúng, đầy đủ chế độ chính sách cho 100% SV cử tuyển. Chỉ đạo Trường Cao đẳng Sư phạm chủ động, linh hoạt trong công tác tuyên truyền tuyển sinh đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng đầu vào, tuyển sinh các mã ngành đào tạo để đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động, gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu xã hội.

e) Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong ngành Giáo dục

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo[20] về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đối với Ngành Giáo dục, Sở GDĐT ban hành các văn bản chỉ đạo[21] về công tác chuyển chuyển đổi số, tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu ngành (CSDLN) cho cốt cán các đơn vị, chỉ đạo 100% đơn vị sử dụng phần mềm CSDLN tại địa chỉ http://csdl.moet.gov.vn, tích cực chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị cập nhật thông tin vào hệ thống theo thời gian quy định của Bộ GDĐT để các cấp quản lý khai thác số liệu phục vụ cho công tác quản lý và

---

[17] Hạnh kiểm: Tốt: 64,3%; Khá: 29,7%; TB: 5,10%; Yếu: 0,02%. Học lực: Giỏi: 1,08%; Khá: 39,7%; TB: 57,57%; Yếu, kém: 1,66%

[18] Tiếp tục đa dạng hóa hoạt động của trung tâm, mở các lớp chuyên đề, đào tạo lái xe, liên kết đào tạo nghề. Liên kết với các trường Cao đẳng Nghề trong và ngoài tỉnh tổ chức các lớp nghề cho học viên, thực hiện song song chương trình GDTX cấp THPT và chương trình trung cấp nghề. Lớp nghề ngắn hạn dưới 6 tháng mở được 26 lớp với 1292 học viên (tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm học 2020-2021). Phối hợp tổ chức được 138 lớp Trung cấp nghề với 4854 học viên.

[19] Nghị định 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với HSSV DTTS.

[20] Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 08/4/2022 về việc "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong GDĐT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";

[21] Kế hoạch số 1257/KH-SGD ĐT ngày 9/5/2022 về tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành GDĐT tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1235/KH-SGDĐT ngày 06/5/2022 về nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ngành GDĐT Lạng Sơn"; Kế hoạch số 2826/KH-SGDĐT, ngày 28/9/2022 về việc tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trong ngành GDĐT; văn bản số 2589/SGDĐT-KHTC, ngày 07/9/2022 về việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các CSGD trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2459/SGDĐT-QLCL, ngày 22/8/2022 về việc thực hiện chương trình chuyển đổi số thư viện trường học đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ngành GDĐT tỉnh Lạng Sơn.

công tác chuyên môn; tổ chức phần mềm tuyển sinh trực tuyến đến các cấp học, kết nối CSDLN với cơ sở dữ liệu tuyển sinh; phối hợp với VNPT Lạng Sơn, Viettel Lạng Sơn triển khai phần mềm quản lý trường học trực tuyến đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ.[22]

Thực hiện "Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp", ngành giáo dục đã xây dựng kế hoạch, tổ chức các đoàn kiểm tra (tổ chức kiểm tra, lồng ghép trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra nhiệm vụ đầu năm học, kiểm tra cuối năm học và đầu học kỳ, kiểm tra tư vấn ôn thi tốt nghiệp...). Tập trung chỉ đạo thực hiện nền nếp, kỷ cương hành chính, công tác thu đầu năm học, công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, bổ sung, điều chỉnh Quy tắc ứng xử trong cơ quan Sở và các đơn vị trường học...

g) Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 29/6/2022 về đào tạo trình độ đại học diện thỏa thuận, hợp đồng đối với lưu học sinh Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc giai đoạn 2022 - 2026. Tiếp tục thực hiện các chương trình trao đổi lưu học sinh với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc)[23]. Trên địa bàn tỉnh có 05 Tổ chức tư vấn du học hoạt động, trong năm 2022 các Tổ chức tư vấn được 83 du học sinh đi học tập tại nước ngoài (Đài Loan 41, Nhật Bản 40, Trung Quốc 01, Đức 01).

h) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Sở GDĐT xây dựng kế hoạch thanh tra năm học 2022 - 2023; phối hợp với Thanh tra tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra thi và tiến hành thanh tra các khâu của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022; tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia Đoàn thanh tra; thành lập đường dây nóng tiếp nhận thông tin, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ thi. Kết quả các khâu của Kỳ thi được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

i) Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua

Triển khai kịp thời văn bản về thi đua khen thưởng (TĐKT) các cấp nhằm chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác TĐKT trong toàn ngành; gắn thi đua theo năm học với các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, ngày truyền thống.[24]

---

[22] Ngành giáo dục đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản VNPT- iOffice đến các đơn vị trực thuộc, các phòng GDĐT chủ động triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản VNPT- iOffice đến các đơn vị trực thuộc.

[23] Năm 2021, 2022 UBND tỉnh cử 17 HS tham gia đào tạo trình độ đại học tại các trường đại học của Quảng Tây, Trung Quốc và cấp 05 suất học bổng đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội cho HS của Quảng Tây (Trung Quốc).

[24] Hướng dẫn các đơn vị rà soát, xây dựng điển hình tiên tiến. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến có nhiều đổi mới, sáng tạo trong dạy và học qua nhiều kênh: Truyền hình, Báo, Trang Thông tin điện tử; hướng dẫn đề xuất tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Giáo dục năm 2022; Phát động hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm 2022 trong toàn ngành; Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng công tác TĐKT giai đoạn 2021-2025, kế hoạch thi đua "đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" giai đoạn 2020-2025; tổ chức bồi dưỡng công tác TĐKT năm 2022.

2.2.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện các chính sách của Nhà nước và các chính sách của địa phương đối với GV, giảng viên CBQL giáo dục; đối với HSSV; chính sách đối với cơ sở giáo dục (CSGD); chính sách tài chính GDĐT: Phân bổ ngân sách, đào tạo GV, đặt hàng giao nhiệm vụ…; chính sách đối với CSGD ngoài công lập; hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; đánh giá về tăng cường CSVC, thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu; đánh giá về sắp xếp, dồn ghép các CSGD trên địa bàn; việc xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDĐT cho các CSGD,...

Tỉnh đã chỉ đạo Sở GDĐT và các cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với HSSV; GV, giảng viên; CSGD công lập. Ngoài ra, tỉnh còn ban hành chính sách của địa phương nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục ngoài công lập[25]. Kết quả: trong năm 2021 và 2022, tỉnh đã hỗ trợ thu nhập cho GV mầm non ngoài công lập được 258 lượt GV, tổng kinh phí hỗ trợ 1.182 triệu đồng. Thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SV sư phạm, UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách 40 SV đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt.[26] Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, CBQL giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với HSSV theo quy định hiện hành[27].

Xây dựng chính sách của tỉnh: ban hành một số cơ chế chính sách nhằm thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng[28].

2.2.3. Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án năm 2022

---

[25] Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ loại hình giáo dục MN ngoài công lập giai đoạn 2018 - 2025; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó có chính sách ưu đãi về đất đai (miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê) đối với dự án đầu tư vào các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

[26] Giáo dục (GD) Mầm non: 20 SV; GD Tiểu học: 12; SP Tiếng Anh: 02 SV; SP Tin học: 03 SV; SP Công nghệ: 03.

[27] Chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập cho HSSV thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT (thay thế Nghị định số 86 từ năm học 2021-2022); hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ; chính sách đối với HS PTDTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính, Bộ GDĐT; chính sách hỗ trợ HS bán trú và trường PTDTBT theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách nội trú đối với HSSV học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ GDĐT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính. UBND tỉnh chỉ đạo Sở GD ĐT, các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục MN.

[28] Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục trình độ, chuyên ngành khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học và thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn; ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ loại hình giáo dục MN ngoài công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2025 (Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh).

Đề án kiên cố hóa trường học giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 đã đầu tư xây dựng được 345 phòng học mầm non, tiểu học. Sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 215.580 triệu đồng và vốn ngân sách địa phương 19.600 triệu đồng, các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2 đầu tư xây dựng bổ sung CSVC cho 07 trường THCS thuộc 03 huyện khó khăn, nguồn vốn 32.480 triệu đồng, trong đó: vốn ODA là 26.080 triệu đồng, vốn đối ứng địa phương 6.400 triệu đồng.

Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 đầu tư xây dựng bổ sung CSVC cho 03 trường (THPT Chuyên Chu Văn An, THPT Tú Đoạn và THPT Lương Văn Tri). Tổng mức đầu tư 36.640 triệu đồng, trong đó: vốn ODA là 26.000 triệu đồng, vốn đối ứng địa phương 8.640 triệu đồng, đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ.

Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn đã hoàn thành cải tạo, sửa chữa khu nội trú cho 05 trường học; cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà bếp HS bán trú cho 05 trường học. Năm 2019 triển khai cải tạo, sửa chữa khu nội trú cho 13 trường học; cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà bếp HS bán trú cho 06 trường học, hoàn thành thủ tục quyết toán năm 2021.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024 THUỘC LĨNH VỰC GDĐT

1. Căn cứ, định hướng và yêu cầu xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 đối với lĩnh vực GDĐT; Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

- Căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH và các điều kiện thực tế của tỉnh, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển GDĐT và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Căn cứ tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển GDĐT của tỉnh năm 2023 để triển khai xây dựng kế hoạch năm 2024 đảm bảo tính bao quát, khả thi, gắn với nguồn lực để thực hiện, là công cụ quan trọng để quản lý nhà nước về GDĐT.

2. Định hướng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH năm 2024 thuộc lĩnh vực giáo dục

Năm 2024, là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đại biểu lần thứ XIII của Đảng và là năm thứ ba triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm (2021 - 2025) và Chiến lược phát triển phát triển KTXH 10 năm 2021-2030. Để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu Nghị quyết XIII của Đảng, tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026

thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, Ngành giáo dục tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết XIII của Đảng và tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức GDĐT theo hướng mở hướng tới phát triên toàn diện người học theo hướng phát huy phẩm chất đạo đức, năng lực, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển KTXH; triển khai đồng bộ và hiệu quả quy hoạch mạng lưới CSGD đại học và sư phạm đồng thời với thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai kế hoạch phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo (3-4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi; phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQLGD; tăng cường CSVC bảo đảm chất lượng các hoạt động GDĐT; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.

3. Yêu cầu đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 thuộc lĩnh vực GDĐT

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển GDĐT được đưa ra tại các nghị quyết của Quốc hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và HĐND tỉnh về phát triển KTXH hội 5 năm 2021 - 2025 và năm 2024, các nghị quyết của Chính phủ, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trong điều hành và thực hiện kế hoạch hằng năm;

- Bám sát các định hướng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng GDĐT được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Ban Chấp hành Trung ương đối với lĩnh vực GDĐT;

- Các mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển GDĐT phải đảm bảo tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối nguồn lực và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực;

- Thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu phát triển bền vững lĩnh vực GDĐT tại Kế hoạch của tỉnh được phê duyệt vào quá trình xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển GDĐT của tỉnh năm 2024.

4. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 thuộc lĩnh vực giáo dục

4.1. Mục tiêu

4.1.1. Mục tiêu chung

Năm 2024, ngành giáo dục tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai chương trình GDPT mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội. Đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS; đổi mới công tác quản lý, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập; tăng cường an ninh, an toàn trong trường, lớp học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho HS; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Tiếp tục sắp xếp, xử lý hiệu quả vấn đề thừa, thiếu GV cục bộ. Thực hiện tốt các chính sách phát triển GDĐT cho vùng khó khăn, đồng bào DTTS và đối tượng chính sách; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục; tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục.

4.1.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển GDĐT năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025

4.1.2. Các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển GDĐT năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025

- Năm 2023, 2024 tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục[29]. Phấn đấu đến năm 2025 nâng tỷ lệ trên 90% NG&CBQLGD đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên (mầm non trên 95%; tiểu học trên 80%; THCS trên 85%; THPT, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục chuyên nghiệp đạt 100%); trình độ trên chuẩn đạt trên 22%.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư, tăng cường CSVC theo hướng chuẩn hóa bảo đảm đến năm 2025 đạt 100% trường, lớp học cơ bản được xây dựng kiên cố.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả việc "Đổi mới chương trình, SGK GDPT" theo đúng lộ trình.

- Phấn đấu công nhận thêm 21 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 290 trường. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 305 trường học đạt chuẩn quốc gia.

4.2. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của địa phương, của ngành giáo dục năm học 2023 - 2024

4.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đầy đủ, sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm của Đảng, Nhà nước; các chủ trương, chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT trong cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, CBQL giáo dục, GV, nhân viên ngành giáo dục, các tầng lớp Nhân dân nhằm nhận thức sâu sắc và đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp

---

[29] Thực hiện theo Đề án "Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030" theo Quyết định số 1918 /QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

trong Chương trình hành động số 100-CTr/TU ngày 23/01/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, đổi mới tư duy về giáo dục của cả hệ thống chính trị, nhất là trong ngành Giáo dục.

4.2.2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học

a) Thực hiện đổi mới và chuẩn hóa nội dung GDMN, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục, phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách của trẻ.

b) Thực hiện chương trình GDPT mới, chú trọng việc tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế nhằm giáo dục đạo đức, lối sống và rèn luyện kỹ năng cho HS.

c) Thực hiện chương trình giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo theo hướng tăng cường năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; gắn đào tạo với nhu cầu việc làm, đáp ứng nhu cầu của người học và chuyển đổi ngành, nghề của xã hội.

d) Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

4.2.3. Thực hiện hệ thống giáo dục mở và xây dựng xã hội học tập

- Tiếp tục thực hiện đa dạng hoá các phương thức đào tạo, xây dựng hệ thống giáo dục mở, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của Nhân dân gắn với coi trọng tính hiệu quả. Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để huy động nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển các trường học ở tất cả các cấp học. Nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học các cấp trong thực hiện xã hội hóa giáo dục. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020" trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục

- Thực hiện có hiệu quả quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; đẩy mạnh phân cấp gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về việc thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục và phương pháp giáo dục; tiếp tục củng cố kỷ cương, nền nếp trong dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục; bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng trong công tác thi, kiểm tra, đánh giá.

- Củng cố và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng. Định kỳ tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục, kiểm định và công khai kết quả kiểm định các CSGD, đào tạo và dạy nghề. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng đối với các CSGD, các hoạt động liên kết đào tạo.

- Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ tại các CSGD; công tác thi đua, khen thưởng gắn với hiệu quả công tác, đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, tránh bệnh thành tích.

4.2.5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ CBQL giáo dục, GV, nhân viên phù hợp với quy định về định mức số lượng GV, giảng viên từng bậc học, cấp học và trình độ đào tạo, phù hợp với việc sắp xếp, điều chỉnh hợp lý hệ thống, quy mô trường, lớp.

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp triển khai Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

4.2.6. Tăng cường CSVC, công tác xã hội hóa giáo dục

Chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học cho trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2025[30]. Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia về kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho GV, phấn đấu đáp ứng đủ CSVC, kỹ thuật theo hướng đồng bộ, toàn diện, chuẩn hóa và hiện đại. Thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch, sử dụng đất; công khai, minh bạch và giám sát chặt chẽ việc sử dụng kinh phí trong các cơ sở giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực để phát triển giáo dục, khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp HSSV nghèo vươn lên học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển GDĐT.

4.2.7. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GDĐT nhằm tranh thủ các nguồn lực, vận dụng phù hợp kinh nghiệm các mô hình giáo dục tiên tiến đi đôi với phát huy nội lực; tăng cường các hoạt động tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm, hội thảo về giáo dục. Khuyến khích các các cơ sở giáo dục hợp tác với các cơ sở đào tạo nước ngoài; xây dựng cơ chế thu hút nguồn lực của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ.

---

[30] ban hành kèm theo Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

B. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH-NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024-2026 LĨNH VỰC GDĐT

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 VÀ 03 NĂM 2021-2023 LĨNH VỰC GDĐT

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp năm 2023

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2023: HĐND ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội, do đó việc phân bổ ngân sách cho giáo dục giai đoạn 2021-2025 cơ bản ổn định.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT và Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với CSGD và đào tạo công lập năm học 2022-2023: thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định mức thu học phí đối với CSGD MN, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với mức thu học phí các cấp học bằng mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP, Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/2/2023 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP, hiện nay UBND tỉnh đang trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí cho các CSGD mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm GDNN - GDTX công lập thuộc tỉnh Lạng Sơn năm học 2022-2023 theo quy định tại Nghị quyết số 165/NQ-CP.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu phí lệ phí, thu sự nghiệp 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu phí lệ phí, thu sự nghiệp 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết của Quốc hội, HĐND. Làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu thu phí lệ phí, thu sự nghiệp trong thời gian tới.

Nguồn thu chủ yếu của các CSGD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là học phí, tuy nhiên mức thu học phí trong 03 năm 2021-2023 không thay đổi do thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên[31]. Để đảm bảo thực hiện lộ trình nâng mức độ tự

[31] Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021; Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 21/12/2022.

chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Bộ GDĐT phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành khảo sát, rà soát lại và đánh giá lại mức độ tác động lộ trình tính giá dịch vụ đào tạo, mức thu học phí trong thời gian tới.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách GDĐT tại địa phương (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) năm 2023 và 3 năm 2021-2023

2.1. Đánh giá chung

- Báo cáo tổng quan tình hình lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng, giải ngân tổng số chi ngân sách cho GDĐT tại địa phương, trong đó chi tiết số chi thường xuyên và số chi đầu tư cho GDĐT *(đánh giá số thực hiện 2021, 2022 và ước thực hiện 2023). (Chi tiết tại biểu số 3 kèm theo)*

- Phân tích đánh giá tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách cho giáo dục tại các các địa phương theo tiêu chí dân số dân số trong độ tuổi đến trường:

Tỉnh Lạng Sơn thực hiện phân bổ dự toán cho sự nghiệp GDĐT theo quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, trong đó quy định tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên chi sự nghiệp giáo dục như sau:

(1) Cấp tỉnh

+ Định mức chi sự nghiệp giáo dục cho các Trường THPT, Trường PT DTNT, Trung tâm GDTX thuộc cấp tỉnh quản lý, đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa là 84%; chi khác tối thiểu là 16%.

Đối với Trường PT DTNT và Trường THPT chuyên Chu Văn An được đảm bảo thêm nhiệm vụ sau:

Trường PTDTNT được phân bổ thêm theo số HS để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho HS theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Cụ thể định mức: 4 triệu đồng/học sinh/năm. Đối với chế độ chi học bổng HS DTNT được đảm bảo theo quy định của Nhà nước.

Trường THPT chuyên Chu Văn An: được phân bổ thêm 5 triệu đồng/HS/năm (đối với HS chuyên theo chỉ tiêu hàng năm được giao) để đảm bảo chi học bổng, chi bồi dưỡng đội tuyển, bồi dưỡng và khen thưởng HS giỏi, chi tham quan, học tập và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

+ Sự nghiệp giáo dục khác

Gồm các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành giáo dục; chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, chi duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực của ngành. Chi sự nghiệp giáo dục khác ở cấp tỉnh được quản lý thông qua Sở GDĐT.

(2) Huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện)

+ Định mức đảm bảo đủ lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương được xác định như sau: GDMN; Giáo dục tiểu học; Giáo dục THCS; Trung tâm GDNN - GDTX: đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương tối đa 86%, chi ngoài lương tối thiểu 14%.

+ Ngoài ra, phân bổ thêm kinh phí cho phòng GDĐT các huyện, thành phố từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực ngành trên địa bàn, mức phân bổ 1.000 triệu đồng/huyện, thành phố/năm.

(3) Xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)

+ Ngân sách nhà nước đảm bảo chế độ phụ cấp cho Giám đốc, Phó giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng cấp xã theo Quyết định của UBND tỉnh.

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường, thị trấn: xã thuộc khu vực I: 20 triệu đồng/xã/năm; xã thuộc khu vực II, III: 25 triệu đồng/xã/năm.

(4) Ngoài mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nêu trên, ngân sách dành ra khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác của ngành giáo dục. Trên cơ sở nhu cầu phát sinh thực tế, UBND tỉnh quyết định phân bổ cụ thể cho từng đơn vị.

(5) Các nội dung không trong định mức phân bổ, thực hiện giao trong dự toán hằng năm, mức hỗ trợ theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền như: chính sách phát triển GDMN; chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; chính sách hỗ trợ HS và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập...

Tuy nhiên chưa đảm bảo định mức theo quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

- Nguồn ngân sách nhà nước chi cho GDĐT cho từng cấp học GDMN, tiểu học, THCS, THPT và cao đẳng *(đánh giá số thực hiện 2021 là: 2.948.071 trđ, năm 2022: 3.290.666 trđ và ước thực hiện 2023: 4.079.418 trđ*).

- Tỷ trọng chi ngân sách chi GDĐT trên tổng chi ngân sách của địa phương (*số thực hiện các năm 2021: 24,25%, 2022: 24,5% và ước thực hiện 2023: 25,5%);*

(Chi tiết số liệu tại biểu số 2 và biểu số 3 kèm theo)

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2023

Thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là đưa tiêu chí giải ngân là một trong các tiêu chí để đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của năm; tổ chức các cuộc họp với chủ đầu tư xác định nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch triển khai thực hiện dự án trọng điểm và dự án khởi công mới năm 2023, đồng thời yêu cầu các chủ đầu tư, nhà đầu tư

xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện dự án theo tháng, quý, năm; tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, họp kiểm điểm tiến độ thực hiện dự án trọng điểm hằng quý, họp chuyên đề về công tác giải phóng mặt bằng hằng tháng, họp giao ban định kỳ với các chủ đầu tư giải ngân tiến độ còn chậm; kiểm tra tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công và xây dựng nông thôn mới của các huyện, thành phố nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án và giải ngân vốn đầu tư công.

Chỉ đạo các cơ quan tập trung triển khai 03 chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) ngay từ khi được Trung ương phân bổ vốn: xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn; lập, phê duyệt, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, dự toán ngân sách giai đoạn 2021-2025 và năm 2023; xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, quản lý, thực hiện các chương trình MTQG; ban hành các quy định, hướng dẫn thuộc thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các chương trình MTQG tại các huyện, thành phố.

- Đối với tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, tăng cường CSVC sử dụng kinh phí sự nghiệp tại địa phương: thực hiện theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT[32], năm 2023 tỉnh Lạng Sơn đã ưu tiên bố trí ngân sách khoảng 200.000 triệu đồng để tăng cường CSVC và mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu, ngay từ đầu năm tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục khẩn trương thực hiện mua sắm theo quy định.

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ban hành Đề án đầu tư, xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học cho trường mầm non phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2025, trong Đề án đã phản ánh tổng hợp về thực trạng và nhu cầu tổng hợp các nguồn lực để đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học cho trường mầm non phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2025.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT 03 năm 2021-2023

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh[33], giai đoạn 2021-2025 vốn chi ĐTPT được giao là 334.942 triệu đồng, trong đó năm 2022 là 60.290 triệu đồng, năm 2023 là 79.711 triệu đồng, lũy kế tình hình kết quả triển khai 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 chiếm khoảng 42%

2.4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm

---

[32] Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS.

[33] số 1180/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022; Quyết định số 1966/QĐ -UBND ngày 12/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

2023 và 03 năm 2021-2023

a) Đánh giá thực hiện chi ngân sách thường xuyên cho GDĐT năm 2023

- Tỷ lệ chi thường xuyên ngân sách cho giáo dục trên tổng số chi ngân sách của địa phương ước đạt khoảng 25,5% (bao gồm tổng hợp cả sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề).

- Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 (năm 2021), tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức chi thường xuyên Ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020, theo đó định mức chi sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh là 82/18 đảm bảo định mức bằng Quyết định 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên cấp huyện tỷ lệ là 85/15, ngoài ra ngân sách tỉnh còn bố trí thêm một số nhiệm vụ chi đặc thù, chế độ học sinh trường PTDTNT, trường chuyên…

- Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (năm 2022, 2023), HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, định mức tại Nghị quyết quy định áp dụng từ năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội, theo đó định mức chi sự nghiệp giáo dục cấp tỉnh là 84/16, cấp huyện là 86/14, mặc dù chưa đạt tỷ lệ theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg, tuy nhiên ngân sách tỉnh đã dành thêm nguồn kinh phí để bố trí thêm một số nhiệm vụ chi khác.

- Công tác triển khai, thực hiện các chính sách đối với cơ sở GDMN, trẻ em mầm non, GV, nhân viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN (gồm: chính sách đối với GV dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt; chính sách đối với giáo viên làm việc tại cơ sở GDMN dân lập/tư thục; hỗ trợ cơ sở GDMN tổ chức nấu ăn cho trẻ; hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo; trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp...); thực hiện chế độ tài chính đối với HS DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ HS khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các CSGD theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; chính sách hỗ trợ cho HS và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị

định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, HSSV DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ; chính sách dành cho người học theo chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với HSSV DTTS; và các chính sách đặc thù liên quan đến người học khác thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương…. Trong đó, mức học bổng chính sách HS DTNT theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT; mức học bổng học sinh chế độ cử tuyển theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP được quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với SV sư phạm được địa phương quan tâm bố trí đảm bảo định mức theo quy định.

- Về kết quả thực hiện các chương trình, dự án năm 2022

+ Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2080/QĐ-TT ngày 22/12/2017 (Đề án NNQG): Năm 2022 tỉnh bố trí kinh phí 570 triệu đồng để thực hiện tổ chức các lớp tập huấn cho GV, tổ chức ngày hội ngoại ngữ cấp tỉnh cho HS và thực hiện một số nội dung tuyên truyền, hợp tác quốc tế.

+ Thực hiện các Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng NG&CBQLCSGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 732/QĐ-TTg (Đề án 732); Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL GDMN giai đoạn 2018-2025 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 (QĐ 33/QĐ-TTg); UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, CBQL GDMN, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và thực hiện Luật Giáo dục giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, kết quả năm 2022 đã phối hợp với Viettel Lạng Sơn cung cấp gần 10.000 tài khoản để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho NG&CBQLCSGD.

+ Thực hiện Đề án bảo đảm CSVC cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 (Đề án 1436), tỉnh Lạng Sơn đã có Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 23/4/2023 về kết quả rà soát và đề xuất nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục giai đoạn 2021 - 2025, kết quả năm 2022 đã đầu tư mua sắm được 5.240 bộ bàn ghế HS, GV với tổng kinh phí trên 6,4 tỷ đồng.

+ Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025" được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 (Đề án 117); kết quả năm 2022 đã đầu tư mua sắm được 115 phòng tin học cho các cấp học trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí trên 37 tỷ đồng.

+ Các Chương trình mục tiêu mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Cấu phần giáo dục): Nhìn chung, ngoài chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới dự kiến hoàn thành thực hiện và giải ngân theo kế hoạch do đã chủ động triển khai từ đầu năm, 02 chương trình MTQG còn lại do giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo cơ chế, chính sách mới, kế hoạch vốn các chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ giao muộn (tháng 5/2022), thời điểm giao kế hoạch vốn nhiều quy định về định mức chi, mức hỗ trợ, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương ban hành chưa đầy đủ, việc triển khai các thủ tục đầu tư của dự án (lập, thẩm định, phê duyệt dự án) cần đảm bảo thời gian theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan. Do đó theo báo cáo của các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện chương trình và UBND các huyện, thành phố khó đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ[34], Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 18/11/2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 đến hết năm 2023.

+ Các nhiệm vụ thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN như triển khai chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới; đào tạo, bồi dưỡng GV, cán bộ QLGD; Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 63-NQ/TU ngày 29/12/2021 về tiếp tục đổi mới căn bản, phát triển toàn diện GDĐT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tỉnh ủy Lạng Sơn đã tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, tại hội nghị tổng kết đã đánh giá, làm rõ mức độ đạt, chưa đạt các chỉ tiêu/mục tiêu nội dung nhiệm vụ.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, quản lý điều hành các dự án *(chi tiết theo biểu số 10 đính kèm).*

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 ước thực hiện khoảng 9.141.777/16.525.772 triệu đồng, đạt 55,31 % so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 3 NĂM 2024-2026

[34] Công điện số 698/CĐ-TTg ngày 04/8/2022 về việc tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 yêu cầu các địa phương *"Xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được giao thực hiện các CTMTQG của năm 2022; phấn đấu hoàn thành 100% tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao trong năm 2022".* Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đang tham mưu Thủ tướng Chính phủ báo cáo, trình Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển GDĐT năm học 2023-2024 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; tỉnh Lạng Sơn xây dựng dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính 3 năm 2024-2026 như sau:

1. Xây dựng dự toán thu: Đối với khoản thu học phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Báo cáo thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. *(chi tiết tại biểu số 12)*

2. Đối với dự toán chi (Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thường xuyên và chi đầu tư)

- Đối với chi thường xuyên: chi thường xuyên bao gồm chi thường xuyên cho các cơ sở, đơn vị sự nghiệp GDĐT; chi các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đặc thù cho giáo dục; chi chuyên môn; chi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ triển khai Chương trình phổ thông mới; chi thực hiện chính sách cho người học (chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; chi phí hỗ trợ đóng học phí, sinh hoạt phí theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP; chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và CBQL giáo dục tại vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2024, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán) và kinh phí thực hiện đổi mới Chương trình GDPT 2018, trong đó có việc bố trí từ nguồn vốn chi thường xuyên để hỗ trợ mua sắm thiết bị, cải tạo CSVC phục vụ để triển khai Chương trình GDPT phổ thông 2018. Đối với các chế độ chính sách chi cho sự nghiệp giáo dục mặc dù tỉnh Lạng Sơn còn có nhiều khó khăn nhưng hàng năm tỉnh đều cố gắng ưu tiên bố trí nguồn lực cho giáo dục, tuy nhiên công tác mua sắm trang thiết bị dạy học (TBDH) gặp nhiều khó khăn do: Danh mục TBDH nhiều, đa dạng, mặc dù có nhiều danh mục được kế thừa từ các danh mục đã được Bộ GDĐT ban hành trước đây, tuy nhiên cũng có nhiều danh mới, do đó ngay sau khi các Thông tư ban hành danh mục TBDH tối thiểu có hiệu lực thi hành thì những danh mục thiết bị mới chưa có sẵn trên thị trường. Mặt khác trong mấy năm vừa qua dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, có thời gian phải thực hiện giãn cách xã hội và cách ly y tế dẫn đến nhiều nơi, nhiều doanh nghiệp dừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng dẫn đến công tác thẩm định giá gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù cơ quan chức năng đã thuê nhiều đơn vị tư vấn thẩm định giá nhưng vẫn không có kết quả dẫn đến chưa có cơ sở để tổ chức thực hiện mua sắm các bước tiếp theo.

Đối với kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, nhìn chung tỉnh Lạng Sơn thực hiện đảm bảo quy định, tuy nhiên hiện nay chưa có cơ chế đặc thù dành riêng cho đối tượng SV đào tạo theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP sau khi tốt nghiệp mà vẫn thực hiện theo quy định hiện hành về tuyển dụng, sử dụng viên chức. Như vậy SV được đào tạo theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt

hàng theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP vẫn phải trải qua kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục, theo đó, các em có thể trúng tuyển hoặc không trúng tuyển, hoặc tham gia dự thi nhiều lần mà vẫn không trúng tuyển. Đề xuất Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ tiếp tục nghiên cứu để có những định hướng, hướng dẫn chính sách tuyển dụng cho địa phương đối với các đối tượng này.

- Đối với chi đầu tư: căn cứ các văn bản của trung ương về thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về nguyên tăc, tiêu chí, định mức phân bổ …, các Quyết định của UBND tỉnh về giao chi tiêu kế hoạch vồn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm.

Ngoài ra UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ban hành Đề án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2025, với tổng kinh phí thực hiện đề án 2.095.431 triệu đồng, trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất là: 1.577.467,0 triệu đồng và kinh phí đầu tư trang thiếtbị dạy học là: 517.964,3 triệu đồng.

3. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2024-2026

Thực hiện đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

(Chi tiết có các biểu kèm theo)

4. Kế hoạch huy động nguồn lực ngoài ngân sách

Thực hiện Nghị quyết 35/2019/NQ-CP, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 29/6/2020 thực hiện đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025, với mục tiêu chung là tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, tạo bước chuyển biến rõ rệt, thực chất trong thu hút vốn đầu tư và đóng góp dưới nhiều hình thức của các cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài tỉnh cho phát triển GDĐT, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH của tỉnh trong giai đoạn mới. Mục tiêu cụ thể về phát triển CSGD ngoài công lập: duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các CSGD ngoài công lập hiện có. Phấn đấu đến năm 2025, số trường mầm non, phổ thông ngoài công lập trên địa bàn tỉnh tăng thêm 05 trường (trong đó 03 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS), nâng tổng số CSGD ngoài công lập trên địa bàn tỉnh lên 13 trường (ngoài ra duy trì và phát triển sốcơ sởmầm non/nhóm lớp độc lập). Trong đó đề ra giải pháp huy động nguồn lực XHH giáo dục, cải thiện môi trường đầu tư và phân công cụ thể cho các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Chính phủ

- Phối hợp Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ sửa đổi bổ sung quy định về số lượng cấp phó trong đơn vị sự nghiệp giáo dục theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với quy mô, đặc thù của các CSGD *(nhất là trường chuyên, trường dân tộc nội trú, dân tộc bán trú)*.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ theo yêu cầu tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn kinh phí xây dựng trường, lớp học và đảm bảo trang thiết bị dạy học thực hiện chương trình GDPT và SGK mới; hỗ trợ giáo dục dân tộc; củng cố và phát triển hệ thống các trường nội trú, bán trú.

- Xem xét sửa đổi Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 liên tịch Bộ Tài chính, Bộ GDĐT hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông DTNT và các trường dự bị đại học dân tộc để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;

} báo cáo

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, KHĐT, TC, NV, LĐTBXH;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng: KGVX, KT, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KGVX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Xuân Huyên